

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2017
V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Dương Tiến

2/ Bà Trần Ánh Nhạn

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2017/TLHNGĐ-ST ngày 16 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 67/2017/QĐHNGĐ-ST ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đoàn Khắc B, sinh năm 1973
 2. *Bị đơn:* Chị Ngô Thị Đ, sinh năm 1979
- Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.
Anh B có đơn xin vắng mặt;
Chị Đ có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, anh Đoàn Khắc B trình bày: Anh B yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Ngô Thị Đ.

Anh và chị Đ chung sống như vợ chồng từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh và chị Đ sống chung bên gia đình cha mẹ ruột anh tại ấp B1, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh, lúc đầu sống hạnh phúc, sau đó anh và chị Đ về sống chung bên gia đình cha mẹ ruột chị Điệp tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Đến tháng 10-2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng, thường xuyên gây gổ nhau, ngoài ra anh nghi ngờ chị Đ có quan hệ với người đàn ông khác, từ đó sống ly thân đến nay, tình cảm vợ chồng không còn.

Vàng cưới không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Về con chung: Có hai con chung Đoàn Anh K, sinh năm 1996 và Đoàn Khắc N, sinh ngày 09-8-2003, hiện đang sống chung với vợ chồng. Anh đồng ý giao cháu N cho chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu K đã thành niên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng.

Bị đơn, chị Ngô Thị Đ trình bày: Chị Đ đồng ý theo yêu cầu của anh Đoàn Khắc B là không công nhận quan hệ vợ chồng.

Chị thống nhất như lời trình bày của anh B về hôn nhân là đúng.

Vàng cưới không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Về con chung: Có hai con chung như anh B trình bày là đúng. Chị đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục người con Đoàn Khắc N, sinh ngày 09-8-2003, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Đoàn Anh K, sinh năm 1996 đã thành niên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định tại Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đoàn Khắc B và chị Ngô Thị Đ theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giao chị Đ được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Khắc N, sinh ngày 09-8-2003 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị Đ không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Đoàn Anh K, sinh năm 1996 đã thành niên anh B và chị Đ không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đoàn Khắc B có đơn xin vắng mặt, nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Hôn nhân giữa anh Đoàn Khắc B và chị Ngô Thị Đ cả hai tự nguyện không ai ép buộc. Mặc dù anh B và chị Đ có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Giao chị Đ được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Khắc N, sinh ngày 09-8-2003 và nguyện vọng cháu N muốn được sống với chị Đ, hiện chị Đ có nghề nghiệp là công nhân thu nhập mỗi tháng từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Ghi nhận chị Đ không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Đoàn Anh K, sinh năm 1996 đã thành niên cả anh B và chị Đ không yêu cầu giải quyết.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Anh B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14, 53, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

1/ Không công nhận anh Đoàn Khắc B và chị Ngô Thị Đ là vợ chồng.

Về con chung: Giao chị Đ được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Khắc N, sinh ngày 09-8-2003. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Riêng cháu Đoàn Anh K, sinh năm 1996 đã thành niên anh B và chị Đ không yêu cầu giải quyết.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Anh B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Ghi nhận anh B đã nộp 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012265 ngày 16-6-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, được khấu trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tâm